

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN Ô MÔN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 33/2025/HSST
Ngày: 18-3-2025

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Bùi Thanh Hà

2/ Ông Ngô Minh Thi

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Anh – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Bảo Trân và ông Phạm Văn Nhũ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 25/2025/TLST-HS ngày 17 tháng 02 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2025/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 3 năm 2025 đối với các bị cáo:

1) Huỳnh Công H, sinh ngày 10 tháng 9 năm 1996 tại Cần Thơ.

Nơi đăng ký thường trú: Khu vực B, phường T, quận Ô, thành phố Cần Thơ; Nơi ở hiện tại: Khu V, phường L, quận Ô, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Công P, sinh năm 1970 (sống) và bà Trần Thị Ngọc D, sinh năm 1973 (sống); chị ruột: 01 người, sinh năm 1992; vợ: Trần Thị H1, sinh năm 1988 (đã ly hôn); con: 01 người, sinh năm 2022; tiền sự: không; tiền án: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn giữ người trong trường hợp khẩn cấp, quyết định tạm giữ từ ngày 28/6/2024 và hiện đang bị tạm giam tại Phân Trại tạm giam khu vực Ô, thành phố Cần Thơ.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2) Lê Thị Diễm T, sinh ngày 11 tháng 11 năm 1996 tại Cần Thơ.

Nơi đăng ký thường trú: Khu vực T, phường T, quận Ô, thành phố Cần Thơ; Nơi ở hiện tại: Khu V, phường L, quận Ô, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Hoàng L, sinh năm 1972 (sống) và bà Lê Thị Tuyết H2, sinh năm 1972 (sống); anh ruột: 01 người, sinh năm 1993; chồng: Nguyễn Hoàng K, sinh năm 1992 (đã ly hôn); con: 01 người, sinh năm 2017; tiền sự: không; tiền án: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn giữ người trong trường hợp khẩn cấp, quyết định tạm giữ từ ngày 28/6/2024 và hiện đang bị tạm giam tại Phân Trại tạm giam khu vực Ô, thành phố Cần Thơ.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3) Nguyễn Quốc K1, sinh ngày 22 tháng 6 năm 2002 tại Cần Thơ.

Nơi cư trú: Khu vực T, phường T, quận Ô, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 11/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Quốc K2, sinh năm 1980 (sống) và bà Lê Thị Hạnh T1, sinh năm 1976 (sống); chị ruột: 01 người, sinh năm 1992; vợ: Lê Thị Kim X, sinh năm 2006 (chưa đăng ký kết hôn); con: 01 người, sinh năm 2024; tiền sự: không; tiền án: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn giữ người trong trường hợp khẩn cấp, quyết định tạm giữ từ ngày 28/6/2024 và hiện đang bị tạm giam tại Phân Trại tạm giam khu vực Ô, thành phố Cần Thơ.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4) Trần Ngọc V, sinh ngày 21 tháng 5 năm 2004 tại Cần Thơ.

Nơi cư trú: Khu vực T, phường T, quận Ô, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Ngọc V1, sinh năm 1972 (sống) và bà Hồ Thị Đ, sinh năm 1977 (sống); anh ruột: 01 người, sinh năm 2002; tiền sự: không; tiền án: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn giữ người trong trường hợp khẩn cấp, quyết định tạm giữ từ ngày 28/6/2024 và hiện đang bị tạm giam tại Phân Trại tạm giam khu vực Ô, thành phố Cần Thơ.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5) **Lê Hồng S**, sinh ngày 06 tháng 01 năm 2002 tại Cần Thơ.

Nơi cư trú: Khu V, phường T, quận Ô, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Hồng C, sinh năm 1964 (sống) và bà Nguyễn Thị H3, sinh năm 1966 (sống); chị ruột: 01 người, sinh năm 1991; tiền sự: không; tiền án: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt bị can để tạm giam từ ngày 15/12/2024 và hiện đang bị tạm giam tại Phân Trại tạm giam khu vực Ô, thành phố Cần Thơ.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1) Ông **Huỳnh Công P**, sinh năm 1970. Địa chỉ: Khu V, phường T, quận Ô, thành phố Cần Thơ. (Có mặt)

2) Ông **Trần Ngọc V1**, sinh năm 1972. Địa chỉ: Khu V, phường T, quận Ô, thành phố Cần Thơ. (Có mặt)

3) Ông **Lê Anh K3**, sinh năm 1982. Địa chỉ: Khu V, phường L, quận Ô, thành phố Cần Thơ. (Có mặt)

4) Bà **Lê Thị Kim X**, sinh năm 2006. Đăng ký thường trú: Khu vực T, phường L, quận Ô, thành phố Cần Thơ. Chỗ ở: Khu vực T, phường T, quận Ô, thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt)

- Người làm chứng:

1) Ông **Phạm Hữu T2** (tên gọi khác: Cá B), sinh năm 1999. Địa chỉ: Khu V, phường T, quận Ô, thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt)

2) Ông **Trần Công T3**, sinh năm 2007. Địa chỉ: Khu V, phường T, quận Ô, thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt)

3) Ông **Trần Thanh P1**, sinh năm 2005. Địa chỉ: Khu V L, phường L, quận Ô, thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt)

4) Ông **Phạm Quốc Đ1**, sinh năm 2000. Địa chỉ: Khu V, phường L, quận Ô, thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt)

- Người chứng kiến:

Bà **Trần Ngọc T4**, sinh năm 1980. Địa chỉ: Khu V, phường L, quận Ô, thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 15 phút, ngày 28/6/2024 cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Ô tiếp nhận tin báo qua điện thoại từ người dân về việc đối tượng Lê Thị Diễm T và Huỳnh Công H có biểu hiện mua bán trái phép chất ma túy tại phòng trọ số 3 nhà trọ không biển hiệu thuộc khu vực T, phường L, quận Ô, thành phố Cần Thơ. Sau khi tiếp nhận tin báo Đội cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an quận Ô kết hợp với Công an phường L, quận Ô tiến hành xác minh, sau đó tiến hành khám xét khẩn cấp người và nơi ở của Huỳnh Công H và Lê Thị Diễm T tại phòng trọ số 3 nêu trên. Tại thời điểm khám xét có mặt Trần Ngọc V và Nguyễn Quốc K1.

Qua khám xét lực lượng Công an thu giữ như sau:

- Tạm giữ của Huỳnh Công H: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone XS MAX màu đen, có số IMEI1: 358746091487344, IMEI2: 358746091405023, có gắn sim Mobifone số sêri: 8401231092019423, đã qua sử dụng; Tiền Việt Nam 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng); 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Exciter, màu trắng, đỏ, biển số 65E1-251.25, số máy G3D4E311014, số khung RLCUG0610GY296403, dung tích 149,8cm³, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen có IMEI1: 352607740041021, IMEI2: 352607740541020, có gắn sim Mobifone số sêri: 8401230212037664, đã qua sử dụng.

- Tạm giữ của Lê Thị Diễm T: 02 (hai) gói ni lông nẹp miệng bên trong chứa các hạt tinh thể dạng rắn, không màu nghi là ma túy được thu giữ trong túi vải màu đen để dưới nệm phòng trọ của Lê Thị Diễm T; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax, màu đen, có số IMEI1: 352849115229878, IMEI2: 352849115203600, có gắn sim Mobifone số sêri 8401180592141289, đã qua sử dụng; Tiền Việt Nam 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng); 03 (ba) cây kéo bằng kim loại, màu trắng, đã qua sử dụng; 02 (hai) bình tự chế thủy tinh có nắp màu đen, trên nắp có gắn hai đoạn ống hút nhựa màu trắng xanh và hai nỏ thủy tinh, đã qua sử dụng; 01 (một) chai nhựa có nắp màu xanh, trên nắp có gắn ống hút trắng đỏ, đã qua sử dụng; 01 (một) đoạn nỏ thủy tinh, chưa qua sử dụng; 01 (một) túi vải màu đen sọc vàng, đã qua sử dụng; 01 (một) túi da màu đen có ngăn kéo, đã qua sử dụng; 12 (mười hai) đoạn ống hút nhựa, hàn kín có một đầu hở, đã qua sử dụng; 08 (tám) gói ni lông nẹp miệng, đã qua sử dụng; 01 (một) gói ni lông hàn kín, bên trong không có chứa gì; 01 (một) gói ni lông hàn kín có

hở một bên, đã qua sử dụng; 01 (một) đồ chơi màu hồng hình củ cải cà rốt còn gọi là nhồi bông, đã qua sử dụng; 01 (một) quạt gas màu tím, có ghi chữ Hoa Việt, đã qua sử dụng; 01 (một) quạt gas màu trắng có ghi chữ Hoa Việt trên đầu đã bị vỡ, đã qua sử dụng; 01 (một) quạt gas màu trắng tự chế, đã qua sử dụng; 01 (một) sổ tay màu đen có ghi chữ Gracious có chiều dài 21cm, ngang 14cm, đã qua sử dụng; 01 (một) bình xịt hơi cay màu đen, trên bình có ghi chữ Take Down, chưa qua sử dụng; 01 (một) súng bắn điện màu đen kèm theo ba viên đạn, chưa qua sử dụng; 01 (một) nắm đấm thép bằng kim loại màu đen, đã qua sử dụng; 01 (một) thanh kim loại có đầu nhọn, cán bằng nhựa dài 21cm, đã qua sử dụng; 01 (một) đầu khò lửa bằng kim loại, đã qua sử dụng; 01 (một) dao tự chế bằng kim loại màu đen, cán bằng nhựa dài 49cm, đã qua sử dụng; 01 (một) dao tự chế bằng kim loại màu đen, cán bằng gỗ dài 46cm, đã qua sử dụng, phần vỏ dao bằng gỗ; 01 (một) dao tự chế bằng kim loại màu trắng, cán bằng gỗ dài 38cm, đã qua sử dụng.

- Tạm giữ của Trần Ngọc V: 01 (một) điện thoại di động màu vàng, hiệu S1, số IMEI1: 354456100356019, số IMEI2: 354457100356017, mặt sau điện thoại bị bể nứt, đã qua sử dụng; 01 (một) xe mô tô biển số 65E1-48.128 nhãn hiệu Honda, số loại Vario, màu đen, bên ngoài có ghi chữ Click, số khung MHIKF4111KK772076, số máy KF41E17747661, đã qua sử dụng, không rõ chất lượng bên trong và ngoài xe.

- Tạm giữ của Nguyễn Quốc K1: 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO, số IMEI1: 867665054002532, số IMEI2: 867665054002524, có gắn sim Mobifone số seri 8401220750987035, đã qua sử dụng.

Tại cơ quan điều tra Huỳnh Công H, Lê Thị Diễm T, Trần Ngọc V, Nguyễn Quốc K1 và Lê Hồng S khai nhận: Giữa H và T có mối quan hệ yêu đương nam, nữ và cùng sống chung với nhau tại phòng trọ số 3 nhà trọ không biển hiệu thuộc khu vực T, phường L, quận Ô. Đối với V, K1 và S là anh em quen biết ngoài xã hội với H và thường xuyên đến phòng trọ của H để chơi. Về nguồn gốc gói ma túy bị lực lượng Công an thu giữ là của H mua của người tên B1 tại quận T, thành phố Cần Thơ với mục đích mang về để bán lại kiếm lời. Trong khoảng tháng 6 năm 2024, H nhiều lần bán trái phép chất ma túy, trong đó có vai trò giúp sức tích cực của T, V, K1 và S, cụ thể như sau: H bán trái phép chất ma túy cho Phạm Quốc Đ1 (tên thường gọi là Đ2) nhà ở khu vực T, phường L, quận Ô khoảng 05 đến 06 lần, mỗi lần với số tiền từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng, Đ1 là người trực tiếp liên hệ với H sau đó H kêu V, K1 và S giao ma túy và nhận tiền, trong đó có 01 lần S giao ma túy xong thì Đang

chuyển khoản cho H qua số tài khoản 0904647674 mở tại Ngân hàng M1; bán ma túy cho Trần Thanh P1 nhà ở khu vực L, phường L, quận Ô 02 lần cùng số tiền 200.000 đồng, trong đó K1 giao 01 lần và V giao 01 lần; bán ma túy cho Phạm Hữu T2 (tên thường gọi là Cá B) nhà ở khu vực T, phường T, quận Ô được 03 lần, mỗi lần với số tiền từ 150.000 đồng đến 200.000 đồng, H trực tiếp giao ma túy và lấy tiền.

Đối với Lê Thị Diễm T, giúp H bán trái phép chất ma túy được 02 lần, cụ thể: Khoảng giữa tháng 6 năm 2024, T đưa gói ma túy cho V giao cho người không rõ họ tên và địa chỉ với số tiền 200.000 đồng, sau đó V đưa tiền lại cho T và ngày 28/6/2024 T đưa gói ma túy cho V giao cho người không rõ họ tên và địa chỉ ở đầu hẻm N với số tiền 200.000 đồng, V đưa tiền lại cho T.

Đối với Nguyễn Quốc K1, giúp H giao ma túy được 05 lần, cụ thể: Giao ma túy cho Trần Thanh P1 01 lần với số tiền 200.000 đồng; vào tối ngày 27/6/2024 giao ma túy cho Phạm Quốc Đ1 01 lần với số tiền 200.000 đồng. Ngoài ra K1 còn giao ma túy cho người thanh niên không rõ họ tên và địa chỉ 03 lần mỗi lần với số tiền 200.000 đồng, địa điểm giao ma túy trước nhà trọ của H và T, số tiền lấy được từ việc bán ma túy thì K1 đưa lại cho H và T.

Đối với Trần Ngọc V, giúp H và T giao ma túy được 06 lần, cụ thể: Giao ma túy cho người không rõ họ tên và địa chỉ tại trước đầu hẻm nhà trọ của H 01 lần với số tiền 300.000 đồng; giao ma túy cho người không rõ họ tên và địa chỉ tại trước đầu hẻm nhà trọ của H 02 lần với số tiền 200.000 đồng; giao ma túy cho người không rõ họ tên và địa chỉ tại trước đầu hẻm nhà trọ của H 01 lần nhưng H dặn không lấy tiền; giao ma túy cho Trần Thanh P1 01 lần với số tiền 200.000 đồng (ma túy do T đưa); ngày 28/6/2024 giao ma túy cho người không rõ họ tên và địa chỉ 01 lần với số tiền 200.000 đồng (ma túy do T đưa).

Đối với Lê Hồng S, giúp H giao ma túy 02 lần, cụ thể: Giao ma túy cho Phạm Quốc Đ1 01 lần với số tiền 200.000 đồng, địa điểm giao trước phòng trọ của H nhưng H dặn không lấy tiền; giao ma túy cho Trần Công T3, địa chỉ khu vực T, phường L, quận Ô 01 lần với số tiền 200.000 đồng.

Việc giúp H giao ma túy thì T, V, K1 và S được H cho ở nhờ tại phòng trọ và cho sử dụng ma túy miễn phí, H không có cấu kết chặt chẽ hay phân công vai trò cụ thể cho T, V, K1 và S. Tổng số tiền H thu lợi bất chính từ việc bán trái phép chất ma túy khoảng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

Tại Kết luận giám định số 4414/KL-KTHS ngày 26/7/2024 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận: 03 (ba) dao tạt chế và 01

(một) quả đấm thép gửi giám định là vũ khí thô sơ; 01 (một) bình xịt hơi cay; 01 (một) cây súng bắn điện và 03 (ba) hộp đạn gửi giám định là công cụ hỗ trợ.

Tại Kết luận giám định số 174/KL-KTHS ngày 05/7/2024 của Phòng K4 Công an thành phố C kết luận tinh thể không màu trong 02 (hai) gói nilon gửi giám định là ma túy loại M, Ketamine, tổng khối lượng tinh thể là 1,6333 gam.

Quá trình điều tra Huỳnh Công H, Lê Thị Diễm T, Trần Ngọc V, Nguyễn Quốc K1 và Lê Hồng S đã nhận tội.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Ô quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức: trả lại cho chủ sở hữu Huỳnh Công P 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Exciter, màu trắng, đỏ, biển số 65E1-251.22, số máy G3D4E311014, số khung RLCUG0610GY296403, dung tích 149,8cm³, đã qua sử dụng; trả lại cho chủ sở hữu Trần Ngọc V1 01 (một) xe mô tô biển số 65E1-48.128 nhãn hiệu Honda, số loại Vario, màu đen, bên ngoài có ghi chữ Click, số khung MHIKF4111KK772076, số máy KF41E17747661, đã qua sử dụng, không rõ chất lượng bên trong và ngoài xe.

Đối với hành vi tàng trữ trái phép công cụ hỗ trợ của Huỳnh Công H thì Ủy ban nhân dân quận Ô1 đã quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

Đối với người tên B1 bán trái phép chất ma túy cho Huỳnh Công H do H không rõ họ tên và địa chỉ nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Ô không làm việc được, khi nào làm việc được đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

Đối với Lê Anh K3 là người cho Huỳnh Công H thuê phòng trọ, việc H sử dụng phòng trọ để mua bán trái phép chất ma túy thì K3 không biết nên không xem xét xử lý.

Đối với Trần Thanh P1 mục đích mua ma túy về để sử dụng, kết quả xét nghiệm dương tính với chất ma túy nên Công an quận Ô quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Đối với Phạm Ouốc Đ3, Trần Công T3, Phạm Hữu T2 mục đích mua ma túy về để sử dụng, kết quả xét nghiệm âm tính với chất ma túy nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Ô không xem xét xử lý.

Tại Cáo trạng số 37/CT-VKSOM ngày 12/02/2025 Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân quận Ô Môn để xét xử Huỳnh Công H, Lê Thị Diễm T, Nguyễn Quốc K1, Trần Ngọc V và Lê Hồng S về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử sơ thẩm trình bày lời luận tội: Giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo theo tội danh và điều luật đã nêu trong cáo trạng. Qua đó, có phân tích về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân cũng như tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

+ Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 251; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Huỳnh Công H mức án từ 09 (chín) năm đến 10 (mười) năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

+ Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 251; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Lê Thị Diễm T mức án từ 08 (tám) năm đến 09 (chín) năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

+ Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 251; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc K1 mức án từ 08 (tám) năm đến 09 (chín) năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

+ Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 251; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Trần Ngọc V mức án từ 08 (tám) năm đến 09 (chín) năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

+ Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 251; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Lê Hồng S mức án từ 07 (bảy) năm đến 08 (tám) năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng áp dụng: Điều 47, 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị:

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) gói niêm phong số 174/KL-KTHS ngày 05/7/2024 của Phòng K4 Công an thành phố C, chữ ký cán bộ niêm phong Đào Thị Thủy T5; 01 (một) đoạn nỏ thủy tinh, chưa qua sử dụng; 08 (tám) gói ni lông nẹp miệng, đã qua sử dụng; 01 (một) chai nhựa có nắp màu xanh trên nắp ống hút trắng đỏ, đã qua sử dụng; 01 (một) quẹt gas màu trắng có ghi chữ Hoa Việt, đã qua sử dụng; 01 (một) sổ tay màu đen có ghi chữ Gracious có chiều dài 21cm, ngang 14cm, đã qua sử dụng; 01 (một) thanh kim loại có đầu nhọn, cán bằng nhựa dài 21cm, đã qua sử dụng; 01 (một) quẹt gas màu tím có ghi chữ Hoa Việt, đã qua sử dụng; 01 (một) quẹt gas màu trắng tự chế, đã qua sử dụng; 01 (một) đầu khò lửa bằng kim loại, đã qua sử dụng; 01 (một) gói ni lông hàn kín bên trong không có chứa gì; 01 (một) gói ni lông hàn kín có hờ một bên, đã qua sử dụng; 03 (ba) cây kéo bằng kim loại, màu trắng, đã qua sử dụng; 02 (hai)

bình tự chế thủy tinh có nắp màu đen trên nắp có gắn hai đoạn ống hút nhựa màu trắng xanh và hai nõ thủy tinh, đã qua sử dụng; 01 (một) túi vải màu đen sọc vàng, đã qua sử dụng; 01 (một) đồ chơi màu hồng hình củ cà rốt còn gọi là nhồi bông, đã qua sử dụng; 12 (mười hai) đoạn ống hút nhựa hàn kín có một đầu hở, đã qua sử dụng; 01 (một) túi da màu đen có ngăn kéo, đã qua sử dụng; 01 (một) thùng niêm phong bằng giấy carton, bên ngoài đóng dấu mộc tròn màu đỏ của Phân viện khoa học kỹ thuật hình sự thành phố Hồ Chí Minh, có chữ ký của cán bộ niêm phong Hồ Sơn L1 và Nguyễn Thế A được ký hiệu VKTS; 01 (một) thùng niêm phong bằng giấy carton, bên ngoài đóng dấu mộc tròn màu đỏ của Phân viện khoa học kỹ thuật hình sự thành phố Hồ Chí Minh, có chữ ký của cán bộ niêm phong Hồ Sơn L1 và Nguyễn Thế A được ký hiệu CCHT.

+ Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone XSMAX màu đen có số IMEI1: 358746091487344, IMEI2: 358746091405023, có gắn sim Mobifone số seri: 8401231092019423, đã qua sử dụng và 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, có IMEI1: 352607740041021, IMEI2: 352607740541020, có gắn sim Mobifone seri: 8401230212037664, đã qua sử dụng của bị cáo Huỳnh Công H; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax, màu đen, có số IMEI1: 352849115229878, IMEI2: 352849115203600, có gắn sim Mobifone seri 8401180592141289, đã qua sử dụng của bị cáo Lê Thị Diễm T; 01 (một) sim Mobifone số seri 8401220750987035, đã qua sử dụng của bị cáo Nguyễn Quốc K1; 01 (một) điện thoại di động hiệu S1, màu vàng, có số IMEI1: 354456100356019, số IMEI2: 354457100356017, mặt sau điện thoại bị bể nứt, đã qua sử dụng của bị cáo Trần Ngọc V; T7 tổng cộng 350.000 đồng (Ba trăm năm mươi nghìn đồng).

+ Trả lại cho Lê Thị Kim X: 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO, màu đen, có số IMEI1: 867665054002532, số IMEI2: 867665054002524, đã qua sử dụng.

+ Buộc bị cáo Huỳnh Công H nộp lại số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) là tiền thu lợi bất chính để sung vào công quỹ Nhà nước.

- Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an quận Ô, điều tra viên trong quá trình điều tra vụ án; của Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn, Kiểm sát viên trong giai đoạn điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có người nào khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong vụ án. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Về căn cứ kết tội: Lời khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của các bị cáo tại phiên tòa; Các biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung bị can tại cơ quan điều tra; Biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm ngày 28/6/2024; Biên bản khám xét ngày 28/6/2024; Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ; Bản ảnh vật chứng; Kết luận giám định số 174/KL-KLHS ngày 05/7/2024 của Phòng K4 Công an thành phố C; Các biên bản đối chất và biên bản nhận dạng; Các biên bản ghi lời khai và các tài liệu, chứng cứ khác thu thập trong hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở kết luận:

Bị cáo Huỳnh Công H và bị cáo Lê Thị Diễm T cùng sống chung với nhau tại phòng trọ số 3 nhà trọ không biển hiệu thuộc khu vực T, phường L, quận Ô, thành phố Cần Thơ, các bị cáo Trần Ngọc V, Nguyễn Quốc K1 và Lê Hồng S là anh em quen biết ngoài xã hội với H nên thường xuyên đến phòng trọ của H để chơi. Các bị cáo đã thống nhất cùng nhau thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy, bị cáo H thỏa thuận với bị cáo T, K1, V và S là người giao, bán ma túy cho bị cáo H và giới thiệu người mua ma túy cho bị cáo H bán.

Bị cáo H mua ma túy về phân chia ra rồi liên lạc hẹn địa điểm với người mua để các bị cáo T, K1, V và S giao ma túy, bị cáo H đưa ma túy cho bị cáo T, K1, V và S đi giao rồi đem tiền về đưa cho bị cáo H hoặc bị cáo H tự đi giao, có khi bị cáo H đưa ma túy cho bị cáo T đưa ma túy cho bị cáo K1, V và S đi giao rồi đem tiền về đưa cho bị cáo T và H. Bị cáo H đã nhiều lần bán trái phép chất ma túy, có vai trò giúp sức tích cực của các bị cáo T, V, K1 và S. Việc bán trái phép chất ma túy đã thực hiện nhiều lần từ khoảng tháng 6 năm 2024 đến khi bị bắt ngày 28/6/2024, cụ thể:

Bị cáo H bán trái phép chất ma túy cho Phạm Quốc Đ1 (tên thường gọi là Đ2) khoảng 05 đến 06 lần, mỗi lần với số tiền từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng, Đ1 là người trực tiếp liên hệ với H sau đó H kêu V, K1 và S giao ma túy và nhận tiền, trong đó có 01 lần S giao ma túy xong thì Đang chuyển khoản cho

H qua số tài khoản 0904647674 mở tại Ngân hàng M1; bán ma túy cho Trần Thanh P1 02 lần cùng số tiền 200.000 đồng, trong đó K1 giao 01 lần và V giao 01 lần; bán ma túy cho Phạm Hữu T2 (tên thường gọi là Cá B) được 03 lần, mỗi lần với số tiền từ 150.000 đồng đến 200.000 đồng, H trực tiếp giao ma túy và lấy tiền.

Bị cáo T giúp bị cáo H bán trái phép chất ma túy được 02 lần: Khoảng giữa tháng 6 năm 2024, T đưa gói ma túy cho V giao cho người không rõ họ tên và địa chỉ 01 lần với số tiền 200.000 đồng, sau đó V đưa tiền lại cho T; vào ngày 28/6/2024 T đưa gói ma túy cho V giao cho người không rõ họ tên và địa chỉ ở đầu hẻm N lần với số tiền 200.000 đồng, V đưa tiền lại cho T.

Bị cáo K1 giúp H giao ma túy được 05 lần: Giao ma túy cho Trần Thanh P1 01 lần với số tiền 200.000 đồng; vào tối ngày 27/6/2024 giao ma túy cho Phạm Quốc Đ1 01 lần số tiền 200.000 đồng; Ngoài ra K1 còn giao ma túy cho người thanh niên không rõ họ tên và địa chỉ 03 lần mỗi lần với số tiền 200.000 đồng, địa điểm giao ma túy trước nhà trọ của H và T, số tiền lấy được từ việc bán ma túy thì K1 đưa lại cho H và T.

Bị cáo V giúp H và T giao ma túy được 06 lần: Giao ma túy cho người không rõ họ tên và địa chỉ tại trước đầu hẻm nhà trọ của H 01 lần với số tiền 300.000 đồng; giao ma túy cho người không rõ họ tên và địa chỉ tại trước đầu hẻm nhà trọ của H 02 lần cùng số tiền 200.000 đồng; giao ma túy cho người không rõ họ tên và địa chỉ tại trước đầu hẻm nhà trọ của H 01 lần nhưng H dặn không lấy tiền; giao ma túy cho Trần Thanh P1 01 lần với số tiền 200.000 đồng (ma túy do T đưa); ngày 28/6/2024 giao ma túy cho người không rõ họ tên và địa chỉ 01 lần với số tiền 200.000 đồng (ma túy do T đưa).

Bị cáo S giúp H giao ma túy 02 lần: Giao ma túy cho Phạm Quốc Đ1 01 lần với số tiền 200.000 đồng, địa điểm giao trước phòng trọ của H, S nhận tiền và đưa lại cho H; giao ma túy cho Trần Công T3 01 lần với số tiền 200.000 đồng nhưng H dặn không lấy tiền.

Qua khám xét ngày 28/6/2024, bị cáo T để 02 (hai) gói ma túy, loại Methamphetamine, Ketamine có khối lượng 1,6333 gam trong túi vải màu đen để dưới nệm trong phòng trọ của bị cáo H và T đang sinh sống, 02 (hai) gói ma túy này của bị cáo H đưa T với mục đích bán để thu lợi nhuận.

Quá trình điều tra, bị cáo H khai nhận hành vi mua chất ma túy về để bán nhằm thu lợi nhuận, các bị cáo T, K1, V và S khai nhận là người giao, bán ma túy giúp bị cáo H và giới thiệu người mua ma túy cho bị cáo H bán để H cho ăn

uống, sinh hoạt ở phòng trọ và sử dụng ma túy miễn phí, cho thấy các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý. Tổng số tiền bị cáo H thu lợi bất chính từ việc bán trái phép chất ma túy là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự. Do đó, việc truy tố, xét xử đối với các bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Ma túy là hiểm họa lớn của toàn nhân loại, đã trực tiếp hủy hoại cuộc sống của hàng triệu con người và nó là mối đe dọa lớn đối với đời sống xã hội, đất nước. Vì vậy, Nhà nước đã có chế tài nghiêm khắc đối với loại tội phạm này.

Các bị cáo là người đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đủ khả năng nhận thức hành vi phạm tội, biết rõ hành vi mua bán trái phép chất ma túy nhằm thu lợi bất chính là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần. Riêng bị cáo H là người có nhân thân xấu, ngày 21/8/2024 bị Ủy ban nhân dân quận Ô1 ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) về hành vi tàng trữ trái phép vũ khí thô sơ, công cụ hỗ trợ và bị xử phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng” theo Bản án số 19/2025/HSST ngày 06/3/2025 của Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ (hiện án chưa có hiệu lực). Các bị cáo vì muốn thỏa mãn nhu cầu của bản thân nên đã thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy nhiều lần để thu lợi bất chính. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến việc quản lý độc quyền của Nhà nước về chất ma túy được pháp luật hình sự bảo vệ. Đồng thời, gây ảnh hưởng tình hình an ninh và trật tự an toàn xã hội tại địa phương.

Xét thấy, các bị cáo có vai trò đồng phạm trong thực hiện hành vi phạm tội nhưng ở mức độ giản đơn, bị cáo H là người cầm đầu thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo T, K1, V và S là người thực hành, giúp sức tích cực để cùng nhau phạm tội. Vì vậy, Hội đồng xét xử có xem xét mức án tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội do từng bị cáo gây ra.

Do đó, để giáo dục răn đe các bị cáo, góp phần đấu tranh phòng chống loại tội phạm ma túy, cần cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội, sống đặt mình trong khuôn khổ pháp luật.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa thể hiện các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo S là người có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo là cháu cóc của Bà Mẹ Việt Nam anh hùng bà Thái Thị H4 và là cháu của Liệt sĩ Đặng Văn H5, Liệt sĩ Đặng Thị T6 là người có công với Nhà nước nên đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết này để cân nhắc hình phạt đối với bị cáo nhằm thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật. Đồng thời, xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội khi lượng hình như quan điểm luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp.

[5] Về hình phạt bổ sung: Như đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp.

[6] Về vật chứng của vụ án: Như đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp.

[7] Đối với người tên B1 (không rõ họ tên, địa chỉ) bán ma túy cho bị cáo H nhưng H khai không rõ họ tên và địa chỉ cụ thể nên không làm việc được. Do đó, kiến nghị lực lượng Công an có thẩm quyền tiếp tục xác minh làm rõ, khi có đủ cơ sở xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với Lê Anh K3 là người cho bị cáo H thuê phòng trọ, việc bị cáo H sử dụng phòng trọ để mua bán trái phép chất ma túy thì K3 không biết nên không xem xét xử lý là phù hợp.

Đối với Trần Thanh P1 mục đích mua ma túy về để sử dụng, kết quả xét nghiệm dương tính với chất ma túy nên Công an quận Ô quyết định xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy là phù hợp.

Đối với Phạm Hữu T2, Trần Công T3, Phạm Quốc Đ1 có mua ma túy mục đích mua để sử dụng, kết quả xét nghiệm âm tính với chất ma túy nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Ô không xử lý là phù hợp.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố: Huỳnh Công H, Lê Thị Diễm T, Nguyễn Quốc K1, Trần Ngọc V và Lê Hồng S phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 251; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Huỳnh Công H.

Xử phạt: Huỳnh Công H 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/6/2024.

- Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 251; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Thị Diễm T.

Xử phạt: Lê Thị Diễm T 08 (tám) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/6/2024.

- Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 251; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Quốc K1.

Xử phạt: Nguyễn Quốc K1 08 (tám) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/6/2024.

- Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 251; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Ngọc V.

Xử phạt: Trần Ngọc V 08 (tám) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/6/2024.

- Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 251; Điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Hồng S.

Xử phạt: Lê Hồng S 07 (bảy) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/12/2024.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng: Điều 47, 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) gói niêm phong số 174/KL-KTHS ngày 05/7/2024 của Phòng K4 Công an thành phố C, chữ ký cán bộ niêm phong Đào Thị Thủy T5; 01 (một) đoạn nỏ thủy tinh, chưa qua sử dụng; 08 (tám) gói ni lông nẹp miệng, đã qua sử dụng; 01 (một) chai nhựa có nắp màu xanh trên nắp ống hút trắng đỏ, đã qua sử dụng; 01 (một) quẹt gas màu trắng có ghi chữ Hoa Việt, đã qua sử dụng; 01 (một) sổ tay màu đen có ghi chữ Gracious có chiều dài 21cm, ngang 14cm, đã qua sử dụng; 01 (một) thanh kim loại có đầu nhọn, cán bằng nhựa dài 21cm, đã qua sử dụng; 01 (một) quẹt gas màu tím có ghi chữ Hoa

Việt, đã qua sử dụng; 01 (một) quạt gas màu trắng tự chế, đã qua sử dụng; 01 (một) đầu khò lửa bằng kim loại, đã qua sử dụng; 01 (một) gói ni lông hàn kín bên trong không có chứa gì; 01 (một) gói ni lông hàn kín có hờ một bên, đã qua sử dụng; 03 (ba) cây kéo bằng kim loại, màu trắng, đã qua sử dụng; 02 (hai) bình tự chế thủy tinh có nắp màu đen trên nắp có gắn hai đoạn ống hút nhựa màu trắng xanh và hai nỏ thủy tinh, đã qua sử dụng; 01 (một) túi vải màu đen sọc vàng, đã qua sử dụng; 01 (một) đồ chơi màu hồng hình củ cà rốt còn gọi là nhồi bông, đã qua sử dụng; 12 (mười hai) đoạn ống hút nhựa hàn kín có một đầu hờ, đã qua sử dụng; 01 (một) túi da màu đen có ngăn kéo, đã qua sử dụng; 01 (một) thùng niêm phong bằng giấy carton, bên ngoài đóng dấu mộc tròn màu đỏ của Phân viện khoa học kỹ thuật hình sự thành phố Hồ Chí Minh, có chữ ký của cán bộ niêm phong Hồ Sơn L1 và Nguyễn Thế A được ký hiệu VKTS; 01 (một) thùng niêm phong bằng giấy carton, bên ngoài đóng dấu mộc tròn màu đỏ của Phân viện khoa học kỹ thuật hình sự thành phố Hồ Chí Minh, có chữ ký của cán bộ niêm phong Hồ Sơn L1 và Nguyễn Thế A được ký hiệu CCHT.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone XSMAX màu đen có số IMEI1: 358746091487344, IMEI2: 358746091405023, có gắn sim Mobifone số seri: 8401231092019423, đã qua sử dụng và 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, có IMEI1: 352607740041021, IMEI2: 352607740541020, có gắn sim Mobifone seri: 8401230212037664, đã qua sử dụng của bị cáo Huỳnh Công H; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax, màu đen, có số IMEI1: 352849115229878, IMEI2: 352849115203600, có gắn sim Mobifone seri 8401180592141289, đã qua sử dụng của bị cáo Lê Thị Diễm T; 01 (một) sim Mobifone số seri 8401220750987035, đã qua sử dụng của bị cáo Nguyễn Quốc K1; 01 (một) điện thoại di động hiệu S1, màu vàng, có số IMEI1: 354456100356019, số IMEI2: 354457100356017, mặt sau điện thoại bị bể nứt, đã qua sử dụng của bị cáo Trần Ngọc V; T7 tổng cộng 350.000 đồng (Ba trăm năm mươi nghìn đồng).

- Trả lại cho Lê Thị Kim X: 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO, màu đen, có số IMEI1: 867665054002532, số IMEI2: 867665054002524, đã qua sử dụng.

(Vật chứng hiện do Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn quản lý theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 13/02/2025)

- Buộc bị cáo Huỳnh Công H nộp lại số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) là tiền thu lợi bất chính để sung vào công quỹ Nhà nước.

- Tịch thu lưu hồ sơ: 05 (năm) bao thư niêm phong chứa đĩa ghi hình hồi cung các bị cáo các ngày 06/01/2025, 07/01/2025 và 09/01/2025 (chuyển cùng hồ sơ vụ án).

Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Q ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo được quyền kháng cáo bản án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai, để xin Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Ô Môn;
- Chi cục THADS Q. Ô Môn;
- Công an Q. Ô Môn;
- Sở Tư pháp TP. Cần Thơ;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Lê Thị Thúy Hằng